

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT CƠ KHÍ SAO VIỆT PLUS**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT CƠ KHÍ SAO VIỆT PLUS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SAO VIET PLUS MECHANICAL PRODUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: SAO VIỆT PLUS

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110033431

**3. Ngày thành lập:** 16/06/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Km14 Quốc lộ 3, Xã Mai Lâm, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0845325368

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: Lắp đặt nhà thép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4329     |
| 3.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4610     |
| 4.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Mua bán hàng kim khí điện máy, điện lạnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4649     |
| 5.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4653     |
| 6.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;<br>- Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế;<br>- Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác. | 4659     |
| 7.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Loại trừ: Hoạt động kinh doanh vàng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4662     |
| 8.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn đồ ngũ kim;<br>- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.                                                                                                                                                                                                                                                | 4663     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                 |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 9.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Kinh doanh các sản phẩm đúc, luyện kim, cơ khí, phụ tùng, thiết bị và vật liệu bôi trơn theo nhu cầu thị trường;                                                                                 | 4669        |
| 10. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu hoá chất công nghiệp tinh khiết và hoá chất thí nghiệm (trừ hoá chất Nhà nước cấm); vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, sản phẩm đúc, cơ khí và luyện kim. | 8299        |
| 11. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Thiết kế và chế tạo các sản phẩm: phụ tùng máy xây dựng, thiết bị trong ngành xây dựng; Thiết kế máy xây dựng                                                                                                       | 7410        |
| 12. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                                                                                                                  | 2511        |
| 13. | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại                                                                                                                                                                                                      | 2512        |
| 14. | Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)                                                                                                                                                                                                                        | 2513        |
| 15. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                                                                                                                                                | 2591        |
| 16. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                    | 2592(Chính) |
| 17. | Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng                                                                                                                                                                                                     | 2593        |
| 18. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất cốt pha thép, xà gồ, tấm lợp kim loại                                                                                                                                         | 2599        |
| 19. | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện                                                                                                                                                                                  | 2710        |
| 20. | Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác                                                                                                                                                                                                                      | 2813        |
| 21. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                     | 5210        |
| 22. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                                                                                                   | 3100        |
| 23. | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn                                                                                                                                                                                                                          | 3311        |
| 24. | Sửa chữa máy móc, thiết bị<br>Chi tiết: Sửa chữa và bảo dưỡng máy móc, thiết bị hàng kim khí điện máy, điện lạnh                                                                                                                                                | 3312        |
| 25. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                                                                          | 3313        |
| 26. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                          | 3314        |
| 27. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                         | 3320        |

**6. Vốn điều lệ:** 4.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 400.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                             | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | ĐÀO ANH<br>TUẤN   | Tổ 18, Thị Trấn<br>Đông Anh, Huyện<br>Đông Anh, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam                               | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 120.000       | 1.200.000.000            | 30,000       | 0370900128<br>01                                                                                                       |            |
|     |                   |                                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                | Tổng số                            | 120.000       | 1.200.000.000            | 30,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | PHẠM HUY<br>HOÀNG | Số 9 ngách 7 ngõ<br>Hòa Bình 1,<br>Phường Minh<br>Khai, Quận Hai<br>Bà Trưng, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 80.000        | 800.000.000              | 20,000       | 0010960138<br>31                                                                                                       |            |
|     |                   |                                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                | Tổng số                            | 80.000        | 800.000.000              | 20,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                     |                                                                                                |                                    |         |               |        |                  |
|---|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------|---------------|--------|------------------|
| 3 | NGUYỄN<br>NGỌC HÙNG | Thôn Hộ Vệ, Xã<br>Lạc Vệ, Huyện<br>Tiên Du, Tỉnh<br>Bắc Ninh, Việt<br>Nam                      | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 100.000 | 1.000.000.000 | 25,000 | 0270930039<br>74 |
|   |                     |                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                | Tổng số                            | 100.000 | 1.000.000.000 | 25,000 |                  |
| 4 | LÊ SỸ<br>QUANG      | Số 10 Ngách<br>183/32, Phường<br>Phúc Tân, Quận<br>Hoàn Kiếm,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 20.000  | 200.000.000   | 5,000  | 0010620106<br>79 |
|   |                     |                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                | Tổng số                            | 20.000  | 200.000.000   | 5,000  |                  |
| 5 | NGUYỄN<br>XUÂN LỘC  | Thôn Vũ Ngoại,<br>Xã Liên Bạt,<br>Huyện Ứng Hoà,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam              | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 40.000  | 400.000.000   | 10,000 | 0010890447<br>71 |
|   |                     |                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                | Tổng số                            | 40.000  | 400.000.000   | 10,000 |                  |

|   |                 |                                                                                   |                           |        |             |       |              |
|---|-----------------|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|-------|--------------|
| 6 | LÊ MINH QUÂN    | 25 Mã Mây, Phường Hàng Buồm, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam           | Cổ phần phổ thông         | 20.000 | 200.000.000 | 5,000 | 001091001626 |
|   |                 |                                                                                   | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |                 |                                                                                   | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |                 |                                                                                   | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |                 |                                                                                   | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |                 |                                                                                   | Tổng số                   | 20.000 | 200.000.000 | 5,000 |              |
| 7 | NGUYỄN KIM NGÂN | Số 90 Nguyễn Tư Giản, Phường Phúc Tân, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 20.000 | 200.000.000 | 5,000 | 001194046705 |
|   |                 |                                                                                   | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |                 |                                                                                   | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |                 |                                                                                   | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |                 |                                                                                   | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000 |              |
|   |                 |                                                                                   | Tổng số                   | 20.000 | 200.000.000 | 5,000 |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐÀO ANH TUẤN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 06/11/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 037090012801

Ngày cấp: 19/12/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ 18, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 18, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội